

CÂU HỎI

Thực hiện công tác an toàn – vệ sinh lao động

Câu 1. Mục đích của công tác an toàn - vệ sinh lao động ?

- A. Bảo đảm an toàn thân thể của người lao động, hạn chế đến mức thấp nhất hoặc không để xảy ra chết người, thương tật, tàn phế do tai nạn lao động.
- B. Bảo đảm người lao động khỏe mạnh, không bị mắc bệnh nghề nghiệp hoặc các bệnh tật khác do điều kiện lao động xấu gây ra.
- C. Bồi dưỡng, phục hồi kịp thời và duy trì sức khỏe, khả năng lao động cho người lao động sau khi sản xuất.
- D. Cả ba câu a, b và c.

Câu 2. Trách nhiệm của người sử dụng lao động trong thực hiện an toàn - vệ sinh lao động

- A. Sử dụng và bảo quản phương tiện bảo vệ cá nhân
- B. Đảm bảo nơi làm việc, điều kiện máy móc thiết bị an toàn cho người lao động
- C. Phạt tiền người lao động nếu họ không tuân thủ qui định an toàn.
- D. Sa thải người lao động nếu người lao động vi phạm nội qui an toàn.

Câu 3. Nghĩa vụ của người lao động trong thực hiện an toàn - vệ sinh lao động

- A. Tuân thủ các qui định về an toàn lao động, vệ sinh lao động
- B. Báo cáo kịp thời cho người quản lý khi thấy các nguy cơ gây mất an toàn
- C. Sử dụng và bảo quản phương tiện bảo vệ cá nhân
- D. Cả 3 câu trên đều đúng

Câu 4. Rủi ro là gì?

- A. Là tất cả các yếu tố, nguồn hay tình huống có khả năng gây thương vong, tai nạn cho con người; hư hỏng, tổn thất tài sản hoặc tác động có hại đến môi trường.
- B. Là kết hợp giữa khả năng xảy ra mối nguy hiểm và mức độ nghiêm trọng của thương tật, tổn thất đối với sức khỏe con người, tổn thất đối với tài sản và tác động có hại đối với môi trường phát sinh từ nguy cơ làm việc.
- C. Câu A và B đúng
- D. Câu a và b sai

Câu 5. Môi nguy là gì?

- A. Là tất cả các nguồn hay tình huống
- B. Báo cáo ngay đến quản lý trực tiếp và những người xung quanh
- C. Chỉ tiếp tục làm việc khi sự cố đã được khắc phục và đảm bảo an toàn
- D. Tất cả câu trên đều đúng

Câu 6. Yếu tố nguy hiểm là gì?

- A. Là yếu tố tác động xấu đến sức khỏe- ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của con người.
- B. Là yếu tố luôn tác động đột ngột lên cơ thể người lao động, gây chấn thương hoặc tai nạn lao động
- C. Là yếu tố gây mất an toàn, làm tổn thương hoặc gây tử vong cho con người trong quá trình lao động.
- D. Cả 3 câu trên đều đúng

Câu 7. Yếu tố có hại là gì?

- A. Là yếu tố gây bệnh tật làm suy giảm sức khỏe con người trong quá trình lao động.
- B. Là yếu tố có thể tác động một cách đột ngột lên cơ thể NLĐ, gây chấn thương hoặc TNLĐ.
- C. Câu A, B đều đúng.
- D. Câu A, B đều sai.

Câu 8. Yếu tố nguy hiểm gồm:

- A. Hóa chất, vi sinh vật gây bệnh, nắng nóng
- B. Tiếng ồn, tia bức xạ, rung xóc.
- C. Hóa chất, chấn thương cơ học, cháy nổ
- D. Rơi đổ, tia lửa hàn, ánh sáng.

Câu 9. Các yếu tố nào sau đây có khả năng gây ra bệnh nghề nghiệp cho người lao động trong quá trình sản xuất

- A. Yếu tố bức xạ nhiệt và phóng xạ
- B. Nguồn nhiệt và độ ẩm
- C. Tiếng ồn và độ rung
- D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 10. Doanh nghiệp phải bố trí ít nhất 2 nhân viên ATVSLĐ khi số lao động ít nhất là bao nhiêu người?

- A. 50 Lao động. B. 300 Lao động. C. 500 Lao động. D. 1.000 Lao động.

Câu 11. Người sử dụng lao động có thể trả tiền thay cho bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại.

- A. Đúng.
B. Sai.
C. Nếu được BCH Công đoàn cơ sở đồng ý.
D. Tùy trường hợp

Câu 12. Người tham gia mạng lưới An toàn vệ sinh viên phải đáp ứng tiêu chí nào?

- A. Người lao động trực tiếp. B. Người làm công tác ATVSLĐ
C. Là cán bộ quản lý gián tiếp. D. Bất kì ai.

Câu 13. Người sử dụng lao động được phép giao tiền cho người lao động để tự mua phương tiện bảo vệ cá nhân.

- A. Đúng.
B. Sai.
C. Nếu được Công đoàn cơ sở đồng ý.
D. Tùy trường hợp

Câu 14. Kinh phí khám sức khỏe trước khi bố trí làm công việc nguy hiểm, nặng nhọc, độc hại do ai chi trả?

- A. Người sử dụng lao động.
B. Công đoàn cơ sở.
C. Do BHYT chi trả.
D. Người lao động và Doanh nghiệp đồng chi trả.

Câu 15. Lao động là người khuyết tật, người cao tuổi, lao động chưa thành niên, người làm công việc nặng nhọc, độc hại phải được khám sức khỏe định kỳ ít nhất mấy tháng một lần?

- A. 03 tháng/lần. C. 01 năm/lần.
B. 06 tháng/lần. D. 02 năm/lần

Câu 16. Thành phần Đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở, phải có đại diện của Ban chấp hành công đoàn cơ sở?

- A. Đúng.
- B. Sai.
- C. Tùy từng trường hợp cụ thể.

Câu 17. Luật An toàn vệ sinh lao động 2015 có bao nhiêu Điều?

- A. 20
- B. 93
- C. 73
- D. 39

Câu 18. Ông Nguyễn Văn A bị tai nạn lao động và kết luận do lỗi của ông A. Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động của ông A là 25%. Công ty phải thực hiện chế độ nào cho ông A?

- A. Bồi thường
- B. Trợ cấp
- C. Không phải thực hiện

Câu 19. Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh ngành nghề có nguy cơ cao, phải thực hiện công tác tự kiểm tra ATVSLĐ định kì toàn công ty bao lâu một lần?

- A. 1 tháng/1 lần.
- B. 3 tháng/1 lần.
- C. 6 tháng/lần.
- D. 1 năm/lần.

Câu 20. Công việc thi công công trình xây dựng có bắt buộc phải thực hiện đánh giá nguy cơ rủi ro về ATVSLĐ không?

- A. Có
- B. Không

Câu 21. Người sử dụng lao động phải bồi dưỡng hiện vật cho người lao động khi nào?

- A. Người lao động làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm, độc hại.
- B. Nơi làm việc có ít nhất một yếu tố vệ sinh vượt giới hạn tiếp xúc theo qui định
- C. Phải đáp ứng đủ cả A và B
- D. Chỉ cần A hoặc B

Câu 22. Bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho NLĐ làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại phải thực hiện theo nguyên tắc nào?

- A. Cấp hiện vật cho NLĐ bồi dưỡng.
- B. Có thể cấp tiền cho NLĐ tự mua, nếu trong thỏa ước lao động tập thể quy định.
- C. Được trả vào lương.
- D. Tùy từng trường hợp cụ thể, do người sử dụng lao động quyết định.

Câu 23. Tại mỗi phân xưởng, kho tàng có sử dụng, bảo quản hóa chất độc hại phải có bảng hướng dẫn cụ thể về quy trình thao tác đặt ở nơi dễ nhìn, dễ thấy.

- A. Đúng. B. Sai. C. Tùy từng loại hóa chất độc.

Câu 24: Người lao động được hưởng đủ lương khi tham gia hoạt động nào?

- A. Nghỉ giải lao theo tính chất của công việc.
B. Thời giờ nghỉ mỗi ngày 60 phút đối với lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi.
C. Thời giờ học tập, huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động.
D. Thời gian khám sức khỏe định kì tại bệnh viện.
E. Tất cả nội dung trên đều đúng

Câu 25. Các biện pháp an toàn phòng ngừa tai nạn lao động gồm.

- A. Cách ly, bao che.
B. Sử dụng thiết bị ngắt tự động.
C. Sử dụng cảnh báo, tín hiệu.
D. Sử dụng Phương tiện bảo vệ cá nhân.
E. Các biện pháp tổ chức, hành chính.
F. Tất cả nội dung trên.

Câu 26. Nội dung kế hoạch ATVSLĐ phải có nội dung nào dưới đây?

- A. Biện pháp kỹ thuật an toàn lao động và phòng, chống cháy, nổ.
B. Biện pháp về kỹ thuật VSLĐ, phòng, chống yếu tố có hại và cải thiện điều kiện lao động.
C. Trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.
D. Chăm sóc sức khỏe người lao động.
E. Thông tin, tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động.
F. Tất cả nội dung trên

Câu 27. Đây là căn cứ để xây dựng kế hoạch An toàn, vệ sinh lao động?

- A. Kết quả đánh giá rủi ro
B. Tình hình thực hiện công tác ATVSLĐ của những năm trước
C. Sự thay đổi của công ty
D. Thay đổi của pháp luật, kiến nghị của cơ quan quản lý, người lao động
E. Tất cả nội dung trên.

Câu 28. Theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 có bao nhiêu nhóm đối tượng cần phải huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động?

- A. Có 3 nhóm B. Có 4 nhóm C. Có 5 nhóm D. Có 6 nhóm

Câu 29. Người sử dụng lao động có trách nhiệm tổ chức điều tra các vụ tai nạn lao động nào?

- A. Tai nạn lao động nhẹ.
B. Tai nạn lao động nặng bị thương 1 người.
C. Tai nạn lao động nặng bị thương 2 người
D. Đáp án a và b đúng

Câu 30. Người lao động có quyền rời bỏ nơi làm việc khi thấy rõ nguy cơ có thể xảy ra TNLD, đe dọa đến tính mạng hoặc sức khỏe của mình nhưng phải báo ngay với người quản lý trực tiếp.

- A. Đúng. B. Sai. C. Tùy từng trường hợp.

Câu 31. Bệnh nghề nghiệp là:

- A. Là căn bệnh dễ lây lan, đặc biệt là qua đường hô hấp và chưa có thuốc chữa
B. Là bệnh lây nhiễm qua đường tiêu hóa, dễ phát sinh ở những nơi có điều kiện môi trường thấp kém, đôi khi bùng phát dịch.
C. Là bệnh phát sinh do điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp có tác động đến sức khỏe người lao động.
D. Cả a, b, c đều sai.

Câu 32. Công dụng của thiết bị che chắn an toàn:

- A. Cách ly vùng nguy hiểm đến người lao động
B. Ngăn ngừa những người không có trách nhiệm vào bên trong vùng
C. Ngăn vật văng bắn vào nhân viên vận hành
D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 33. Khi xảy ra sự cố tràn đổ hóa chất, người phát hiện phải thực hiện:

- A. Thông báo với người xung quanh
B. Đi chỗ khác và không làm gì.
C. Thông báo với người xung quanh, báo cáo với người quản lý và tham gia ứng cứu.
D. Tự mình dùng dụng cụ thu gom hóa chất bị tràn đổ.

Câu 34. Sau khi làm việc, người công nhân phát hiện thấy những hiện tượng không an toàn hoặc một số chi tiết nào đó của thiết bị sắp hỏng cần thay thế thì phải:

- A. Không cần báo.
- B. Báo cũng được, không báo cũng được.
- C. Báo lại cho ca sau biết (ghi vào sổ trực ca) để ca sau khắc phục kịp thời.
- D. Trực tiếp tổ chức sửa chữa.

Câu 35. Phương tiện bảo vệ cá nhân được sử dụng khi nào?

- A. Khi thực hiện bất cứ công việc gì cũng cần sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân
- B. Thực hiện công việc, nhiệm vụ có tồn tại các yếu tố nguy hiểm, có hại mà các biện pháp khác chưa thể loại bỏ được.
- C. Khi người quản lý yêu cầu sử dụng.
- D. Bất cứ khi nào thấy cần thiết

Câu 36. Người làm công tác An toàn vệ sinh viên được huấn luyện như thế nào?

- A. Huấn luyện bổ sung trong 2 giờ
- B. Huấn luyện bổ sung trong 4 giờ
- C. Huấn luyện bổ sung trong 6 giờ
- D. Huấn luyện bổ sung trong 8 giờ

Câu 37. Chi phí tổ chức huấn luyện do ai chi trả?

- A. Người lao động
- B. Người sử dụng lao động
- C. Quỹ bảo hiểm Tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp
- D. Quỹ công đoàn cơ sở

Câu 38. Các phương pháp phát hiện nguy cơ trong kỹ năng hoạt động của ATVSV là :

- A. Kiểm tra điều kiện lao động
- B. So sánh thực trạng tại nơi làm việc
- C. Xác định các thiếu sót tồn tại về ATVSLĐ
- D. Kiến nghị các biện pháp khắc phục, phòng ngừa
- E. Tất cả các yêu cầu trên

Câu 39. Mục đích việc kiểm tra và thử nghiệm thiết bị trước khi làm việc:

- A. Xác định tình trạng kỹ thuật máy móc, thiết bị.
- B. Thay đổi, đánh giá và lập trình sửa chữa phù hợp
- C. Kiểm tra an toàn trước khi vận hành
- D. Cả 3 câu trên đều đúng

Câu 40. Khi người lao động làm mất hoặc hư hỏng phương tiện bảo vệ cá nhân còn thời hạn sử dụng, giải pháp xử lý:

- A. Đề nghị cấp mới
- B. Bồi thường
- C. Làm việc không có phương tiện bảo vệ cá nhân.
- D. Tự mua phương tiện bảo vệ cá nhân bất kì để sử dụng.

Câu 41. Hãy chọn thứ tự trách nhiệm của an toàn vệ sinh viên:

- A. Đôn đốc- nhắc nhở- hướng dẫn
- B. Nhắc nhở- đôn đốc- hướng dẫn
- C. Hướng dẫn- đôn đốc- nhắc nhở
- D. Đôn đốc- hướng dẫn- nhắc nhở.

Câu 42. Trong quá trình sử dụng máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt, tổ chức cần phải:

- A. Có kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng định kì.
- B. Lập và lưu giữ hồ sơ kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.
- C. Bố trí nhân viên vận hành đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về sức khỏe.
- D. Người vận hành phải được đào tạo nghiệp vụ vận hành và huấn luyện ATVSLĐ.
- E. Tất cả nội dung trên.

Câu 43. Trong trường hợp khẩn cấp cần phải di tản tập thể, cần phải:

- A. Bình tĩnh, di chuyển nhanh đến khu vực tập trung
- B. Di chuyển theo hướng dẫn lối thoát hiểm
- C. Không cản trở đội cứu hộ cứu nạn
- D. Giữ bình tĩnh, tập trung và điểm danh
- E. Tuân thủ sự hướng dẫn của chỉ huy
- F. Tất cả nội dung trên đều đúng.

Câu 44. Trách nhiệm của tổ chức Công Đoàn đối với mạng lưới an toàn vệ sinh viên?

- A. Đảm bảo cho mạng lưới hoạt động đúng chức năng, quyền hạn và hiệu quả.
- B. Đảm bảo tính pháp lý để hoạt động
- C. Thực hiện đúng quy định của Pháp luật
- D. Để đảm bảo ATVSLĐ

Câu 45. Nghĩa vụ của người làm công tác An toàn vệ sinh viên:

- A. Hỗ trợ mọi người trong tổ, đội, phân xưởng chấp hành qui định về ATVSLĐ
- B. Giám sát việc thực hiện nội qui ATVSLĐ
- C. Kiến nghị hoặc báo cáo khi phát hiện yếu tố mất an toàn.
- D. Tất cả nội dung trên đều đúng

Câu 46. Quyền của mạng lưới An toàn vệ sinh viên?

- A. Yêu cầu người lao động trong tổ ngừng làm việc khi phát hiện nguy cơ xảy ra TNLĐ.
- B. Được cung cấp đầy đủ thông tin về biện pháp đảm bảo an toàn tại nơi làm việc.
- C. Được dành 1 phần thời gian để thực hiện nhiệm vụ ATVSLĐ.
- D. Cả 3 đáp án trên đều đúng.

Câu 47. Những thuận lợi của người làm công tác An toàn vệ sinh viên?

- A. Thường trực tại nơi làm việc
- B. Hiểu rõ tình chất, đặc điểm công việc
- C. Gần gũi với người lao động tại nơi làm việc
- D. Chuyên môn hạn chế
- E. Câu a, b, c đúng
- F. Câu a, b, c, d đúng

Câu 48. Các nội dung cần theo dõi, giám sát trong quá trình làm việc?

- A. Phương tiện bảo vệ cá nhân
- B. Dụng cụ, máy móc và thiết bị
- C. Thao tác, vị trí làm việc của người lao động.
- D. Tất cả nội dung trên đều đúng.

Câu 49. Nguyên nhân cơ bản nhất trong các nguyên nhân chính gây ra tai nạn lao động là:

- A. Thiếu bảo hộ lao động
- B. Thiếu Công cụ lao động
- C. Thiếu ý thức về an toàn lao động
- D. Tất cả đều sai.

Câu 50. Trong trường hợp khẩn cấp cần phải di tản tập thể, cần phải:

- A. Bình tĩnh, di chuyển nhanh đến khu vực tập trung
- B. Di chuyển theo hướng dẫn lối thoát hiểm
- C. Không cản trở đội cứu hộ cứu nạn
- D. Giữ bình tĩnh, tập trung và điềm danh
- E. Tuân thủ sự hướng dẫn của chỉ huy
- F. Tất cả nội dung trên đều đúng.

-----★-----